

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày 22/12/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Liễu và bà Phan Thị Mỹ Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Hương Dịu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST – DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số ZX, đường V, tổ dân phố Q, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 18/12/2017 bà Huỳnh Thị Thùy T có mượn của tôi số tiền 22.750.000 đồng. Khi mượn thì hai bên có lập giấy viết tay, bà Trang có ký và ghi rõ họ tên, đồng thời bà T có hẹn sau 01 tháng sẽ trả cho tôi số tiền 22.750.000 đồng, nhưng sau đó khi đến hạn tôi có đi đòi nhiều lần nhưng bà T không trả.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tôi có yêu cầu bà T trả cho tôi số tiền nợ gốc 22.750.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay là ngày 18/12/2017. Nhưng hôm nay tôi thay đổi quan điểm là chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K buộc bà Huỳnh Thị Thùy T trả cho tôi số tiền nợ gốc 22.750.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 18/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 35 tháng 05 ngày, tôi chỉ đề nghị tính tròn là 35 tháng.

2. Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện K lập ngày 05/8/2020, bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T trình bày:

Vào ngày 18/12/2017 tôi có vay của bà H số tiền 22.750.000 đồng. Khi vay hai bên có xác lập giấy nhận nợ, tôi có ký và ghi rõ họ tên để xác nhận nợ với bà Hường. Trong giấy nhận nợ tôi có hẹn sau 01 tháng tôi lấy tiền thanh toán tại cơ quan thi hành án (trong một vụ án khác đã có hiệu lực pháp luật) sẽ trả nợ cho bà H. Tuy nhiên, sau đó thì gia đình tôi có nhiều việc xảy ra đột xuất không thể thu xếp trả nợ đúng hẹn cho bà H. Nay bà H khởi kiện thì tôi đồng ý có nợ của bà H số tiền gốc 22.750.000 đồng và đồng ý tính tiền lãi của số tiền này theo yêu cầu của bà H. Nhưng hiện do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tôi chưa có khả năng trả cho bà H được mà xin trả dần, có bao nhiêu trả bấy nhiêu đến khi hết nợ thì thôi.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là:

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ xác định, ngày 18/12/2017 bà T đã vay của bà H số tiền là 22.750.000 đồng, bà Trang cũng thừa nhận có vay bà H số tiền này. Nhưng đến hạn thì bà T đã không trả nợ cho bà H. Xét thấy việc vay nợ giữa bà T và bà H là hợp đồng vay tài sản được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Căn cứ giấy nợ thì đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn không có lãi quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015 (sau đây gọi tắt là BLDS). Khi đến thời hạn trả nợ 01 tháng cho bà H nhưng bà T không thực hiện việc trả tiền cho bà H là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 4 Điều 466 của BLDS. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu bà T hoàn trả số tiền nợ và lãi suất tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470 của BLDS, căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây gọi tắt là BLTTDS) và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà Phạm Thị H

số tiền 22.750.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngoài ra buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại điểm 3 Điều 26 của BLTTDS và nguyên đơn bà Phạm Thị H khởi kiện bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ “Giấy mượn tiền” lập ngày 18/12/2017, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định việc bà T đã tự nguyện thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền là 22.750.000 đồng, các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có hạn 01 tháng sau bà T trả nợ cho bà H. Nhưng đến hạn thì bà T đã không trả nợ cho bà H và hiện nay cũng chưa trả. Nguyên đơn và bị đơn không phản đối tình tiết này vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của BLTTDS, HĐXX công nhận tình tiết này là sự thật.

Xét hợp đồng trên là một hợp đồng dân sự được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Khi đến thời hạn trả nợ cho bà H nhưng bà T không thực hiện việc trả nợ tiền cho bà H (mặc dù bà H đã thông báo và đến đòi nhiều lần) là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 351, 357 của BLDS. Nên việc khởi kiện của nguyên đơn bà H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về số tiền nợ gốc: Bị đơn bà T công nhận có nợ của bà H số tiền nợ gốc là 22.750.000 đồng, nhưng bà T cho rằng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không thể trả ngay cho bà H được mà hạn có bao nhiêu thì trả dần cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên quan điểm của bà T không được nguyên đơn bà H đồng ý. Do đó HĐXX không có căn cứ để chấp nhận đề nghị này của bà T, nên cần buộc bà T phải trả số tiền nợ gốc 22.750.000 đồng cho bà H.

Về lãi suất: Hợp đồng vay tiền giữa bà T với bà H được xác lập ngày 18/12/2017, đây là hợp đồng vay tiền không có lãi và có thời hạn, khi đến hạn thì bà T không trả tiền nợ cho bà H. Cho nên, căn cứ khoản 4 Điều 466 của BLDS và căn cứ khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội

đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà H được xác định theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS (lãi suất 10%/năm) tương ứng với số tiền gốc chưa trả và thời hạn chậm trả nợ gốc. Trong hợp đồng cho vay tiền bà T hẹn 01 tháng sau kể từ ngày vay (18/12/2017) sẽ trả tiền cho bà H, nhưng hết thời hạn 01 tháng thì bà T không trả tiền nợ cho bà H nên thời điểm chậm trả nợ gốc được xác định là ngày tiếp theo liền kề khi hết hạn 01 (một) tháng kể từ ngày 18/12/2017. Như vậy, thời điểm chậm trả nợ gốc của bà T đối với bà H được tính từ ngày 18/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 35 tháng 05 ngày. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà H yêu cầu bà T trả lãi của số tiền nợ gốc tính từ ngày vay 18/12/2017, nhưng tại phiên tòa bà H thay đổi quan điểm chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 18/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 35 tháng 05 ngày. Việc thay đổi quan điểm của bà H về tính lãi là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Ngoài ra, bà H chỉ yêu cầu tính lãi tròn 35 tháng là có lợi cho bị đơn nên được HĐXX chấp nhận. Do vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền lãi của tiền nợ gốc bà T phải trả cho H là $22.750.000 \text{ đồng} \times (10\% \text{ năm} : 12 \text{ tháng}) \times 35 \text{ tháng} = 6.608.875 \text{ đồng}$.

Từ đánh giá và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 22.750.000 đồng + 6.608.875 đồng tiền lãi = 29.358.875 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

[4] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 351, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 22.750.000 đồng, tiền lãi là 6.608.875 đồng, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 29.358.875 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 29.358.875 đồng x 5% = 1.467.943 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng). Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị H số tiền đã tạm nộp trước đây là 568.750 đồng (Năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0006283 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn bà Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/12/2020), bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND t. Gia Lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h. Krông Pa;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn